

KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA NHẬT BẢN

1. Luật pháp, chính sách

Hiện nay, Nhật Bản có một hệ thống luật pháp, chính sách quản lý môi trường khá hoàn thiện. Để có được điều này cần đánh giá cao sự nỗ lực của chính quyền và người dân Nhật Bản. Từ khi ra đời cơ quan quản lý môi trường năm 1971 cho đến nay, Quốc hội Nhật Bản đã ban hành trên 50 đạo luật liên quan đến quản lý môi trường. Trong đó, người ta chia thành các nhóm điều chỉnh khác nhau, từ vĩ mô đến vi mô, cụ thể, chi tiết cho từng lĩnh vực, từng đối tượng. Nhóm chính sách môi trường bao gồm những đạo luật về môi trường chung, được ra đời từ rất sớm, năm 1972 là Luật bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, năm 1993 là Luật môi trường cơ bản, đến gần đây nhất là Luật thúc đẩy sản xuất kinh doanh đối với các công ty sản xuất đặc biệt... Nhóm các vấn đề môi trường toàn cầu gồm ba đạo luật riêng biệt như Luật khuyến khích các hoạt động hợp tác đối phó với sự nóng lên toàn cầu, ban hành năm 1998, sửa đổi năm 2005; Luật liên quan đến bảo vệ tầng ôzôn thông qua kiểm soát các chất thải đặc biệt và các biện pháp xử lý luật liên quan đến cải tạo và phá hủy fluorocarbon. Nhóm vấn đề chất thải rắn và tái chế chất thải rắn được quy định trong 9 đạo luật. Nhóm vấn đề đất, nước và nước dưới đất được thể hiện trong 9 đạo luật, V.V.. Dựa trên khung các luật, cẩm nang do Bộ Môi trường Nhật Bản hướng dẫn, các tỉnh, thành phố có thể đưa ra các cẩm nang hướng dẫn cụ thể hơn về bảo vệ môi trường phù hợp với địa phương.

Song song với việc ban hành các đạo luật, Nhật Bản đã thực thi hàng loạt các chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực này. Trong đó phải kể đến Kế hoạch môi trường cơ bản lần thứ nhất ra đời năm 1994, lần thứ hai năm 2000, lần thứ ba năm 2006 và lần thứ tư năm 2012. Trong Kế hoạch môi trường cơ bản lần thứ tư, Chính phủ Nhật Bản đề cập nội dung “một xã hội an toàn” có chu kỳ vật chất bền vững, phát thải cacbon thấp, an toàn trước những thảm họa tự nhiên. Nói cách khác, Chính phủ Nhật Bản chủ trương xây dựng một nền kinh tế - xã hội xanh (thúc đẩy các hoạt động bảo vệ môi trường, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ thân thiện với môi trường); thực hiện “đổi mới xanh” bao gồm xây dựng công nghệ thân thiện với môi trường, tạo lập giá trị mới và thay đổi hệ thống xã hội.

Những kế hoạch này là “trợ thủ” đắc lực giúp Nhật Bản thành công trong việc quản lý môi trường.

Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản đã và đang thực hiện Kế hoạch môi trường cơ bản nhằm thiết lập một xã hội có chu kỳ vật chất bền vững. Kế hoạch cũng chỉ rõ mục tiêu, viễn cảnh và phương hướng hành động của Chính phủ cũng như các thành phần trong xã hội. Kế hoạch trên đã thu hút được sự quan tâm, hợp tác của tất cả các thành phần trong xã hội từ Chính phủ đến người dân, doanh nghiệp, các trường đại học, các tổ chức phi chính phủ và chính quyền các địa phương. Trong đó, kế hoạch đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của chính quyền Trung ương. Chính phủ cần tập trung giải quyết 5 nội dung công việc: 1) Hợp nhất sức mạnh chung tạo nên một xã hội ít cacbon, sống hài hòa với thiên nhiên; 2) Thúc đẩy hình thành các khu tái chế tài nguyên vùng; 3) Đẩy mạnh phong trào 3R, thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh xanh, cải thiện 3R tập trung vào giảm phát sinh chất thải rắn; 4) Phát triển nguồn nhân lực; 5) Thiết lập xã hội có chu kỳ vật chất bền vững trên toàn thế giới.

Ở Nhật Bản, chính quyền Trung ương, chính quyền địa phương nói chung và chính quyền khu vực đô thị nói riêng có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện luật pháp, chính sách về môi trường. Họ thường đặt ra mục tiêu cụ thể trong thời gian ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho cả nước và khu vực quản lý. Chẳng hạn, mục tiêu về giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính những năm 1990 đã xử lý trên 50% chất thải rắn chung ở khu vực đô thị, V.V.. Các kế hoạch hành động cụ thể được đưa ra và được các cơ quan này thực hiện một cách nghiêm túc như Kế hoạch xanh, Kế hoạch 3R, Kế hoạch hành động cơ bản của Chính phủ, Chương trình thương mại và môi trường của Tôkyô, V.V.. Nhờ đó những sai phạm được phát hiện thông qua kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời.

Các Bộ, ngành, doanh nghiệp tự xây dựng cuốn cẩm nang hướng dẫn thực hiện luật, chính sách về bảo vệ môi trường. Cẩm nang này được đăng tải trên mạng thông tin và phát miễn phí cho cán bộ và doanh nghiệp. Đồng thời đề ra mục tiêu cụ thể để thực hiện luật cũng như chính sách nhằm kiểm soát ô nhiễm không khí, nước, giảm chất thải rắn và tái sử dụng vật liệu, v.v. có hiệu quả.

Về phía người dân, nhất là người dân sống tại các đô thị, họ luôn tìm hiểu và thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ, gìn giữ môi trường nói chung và chất thải rắn, thực hiện nghiêm các quy định về thu gom xử lý khí thải, sử dụng nhà vệ sinh công cộng và gia đình... Việc người dân thực hiện các quy định về môi trường một cách nghiêm túc được người nước ngoài đánh giá như một đặc điểm của nền văn hóa có tôn ty trật tự của người Nhật Bản.

Có thể nói, các đạo luật, các chính sách về môi trường được Chính phủ, người dân Nhật Bản, đặc biệt là ở khu vực đô thị thực hiện có hiệu quả, có bài bản và được bổ sung, chỉnh sửa kịp thời nhằm đáp ứng được mục đích bảo vệ môi trường trong từng thời kỳ khác nhau. Các đạo luật được xây dựng một cách khoa học, chi tiết, chi phối toàn bộ các vấn đề cần quản lý; không có sự chồng chéo, người thực hiện dễ đối chiếu phát hiện các sai sót V.V.. Các đạo luật, chính sách sau khi ban hành và thực hiện được thường xuyên giám sát, kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm từ Trung ương tới địa phương.

Sau đây sẽ đề cập chi tiết hơn từng nhóm giải pháp này trên các lĩnh vực cụ thể:

- Lĩnh vực bảo vệ môi trường không khí

Sau khi cơ quan quản lý môi trường được thành lập và Luật bảo vệ tài nguyên có hiệu lực năm 1998, Chính phủ Nhật Bản đã thành lập ba chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường khu vực tại Sappôrô, Yôkkaichi và Aichi. Đây là ba vùng đô thị có nguy cơ ô nhiễm không khí cao nhất ở Nhật Bản do tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp nặng và hóa chất. Bộ Môi trường Nhật Bản đã biên soạn báo cáo hằng năm về môi trường và gửi tới Thủ tướng Chính phủ cũng như các công ty có trong khu vực. Đương nhiên những số liệu, những thỉnh cầu, khuyến nghị trong báo cáo thường niên được chính giới quan tâm nhất là những người hoạch định chính sách môi trường và những công ty trực tiếp thải CO₂, CFC, v.v. vào bầu khí quyển.

Đối với các khu vực đô thị khác như Tôkyô, Ôsaka, Kyôto, V.V., Chính phủ Nhật Bản có nhiều chính sách nhằm khuyến khích các nhà máy, công sở, chủ cơ sở kinh doanh đầu tư trang thiết bị và phương tiện giao thông vận tải, áp dụng sáng kiến sử dụng năng lượng tiết kiệm, ít phát thải, đồng thời thường

xuyên gửi các khuyến cáo nhắc nhở họ hãy sử dụng năng lượng phù hợp với “Đạo luật sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng”. Bên cạnh đó, Chính phủ nước này còn khuyến khích sử dụng tiết kiệm năng lượng bằng cách giảm thuế và thực thi chính sách tín dụng mềm đối với hoạt động kinh doanh đặc biệt, những cơ sở có lắp đặt các thiết bị tiết kiệm năng lượng, ít phát thải khí ô nhiễm.

Nhật Bản thực thi chính sách khuyến khích các nhà chế tạo ô tô sản xuất các chủng loại ô tô tiết kiệm năng lượng và hạn chế thải CO₂ vào môi trường, đồng thời khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông thay thế ô tô tải như phát triển hệ thống đường sắt sử dụng các loại đầu máy điện cao tốc chạy bằng đệm từ, phát triển các loại xe chạy bằng năng lượng mặt trời, v.v...

Đa dạng hóa các chương trình phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng nói chung ở đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đây là một chính sách nhất quán của Chính phủ Nhật Bản được thực hiện trong nhiều năm. Chẳng hạn, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng ít gây hiệu ứng nhà kính, sản xuất và sử dụng năng lượng mặt trời, thủy điện, địa nhiệt và phát triển năng lượng điện hạt nhân. Đáng lưu ý là việc phát triển năng lượng điện hạt nhân trong thời gian gần đây không được dư luận ủng hộ như trước. Cho dù Chính phủ nước này cho phép xây dựng các cơ sở năng lượng hạt nhân xa khu dân cư song sự cố rò rỉ phóng xạ hạt nhân ở Tôkaimura, Ibaraki năm 1999 hay sự cố rò rỉ hạt nhân từ Nhà máy điện Fukushima số 1 sau trận động đất và sóng thần kép năm 2011 đã gây lo ngại thực sự đối với dư luận Nhật Bản. Đối với việc sử dụng năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, Quốc hội Nhật Bản trong kỳ họp lần thứ 140 đã thông qua đạo luật “Những biện pháp đặc biệt thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng mới”. Đạo luật này khuyến khích các tổ chức và cá nhân sử dụng các nguồn năng lượng mới với sự hỗ trợ về tài chính và công nghệ từ phía Chính phủ.

Bên cạnh đó, Quốc hội nước này cũng đã ban hành đạo luật bảo vệ tầng ôzôn và giảm lượng mưa axit. Đây cũng là một giải pháp góp phần phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí và là cơ sở pháp lý quan trọng để điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng các loại sản phẩm có thể thải ra các khí thải như CFC, halon, cacbon tetracloarit, methyn bromit, V.V..

Hiện nay, Nhật Bản đang hướng tới xây dựng một xã hội có “chu kỳ vật chất bền vững” ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế nhằm giảm tiêu thụ tài nguyên từ đó giảm gánh nặng lên môi trường, cam kết hướng đến một xã hội cacbon thấp và tồn tại hài hòa với thế giới tự nhiên. Để thực hiện mục tiêu này, Chính phủ Nhật Bản xây dựng mục tiêu dài hạn giảm 60% đến 80% lượng khí thải cacbon đến trước năm 2050. Trên cơ sở đó, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra hàng loạt các chính sách phát triển liên quan đến việc thực hiện kế hoạch trên và năm 2015 được lấy làm mốc để đánh giá việc xây dựng một xã hội có chu kỳ vật chất bền vững.

Về phía chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân cũng luôn có ý thức tự giác cao trong việc thực hiện luật và các chính sách liên quan tới bảo vệ môi trường không khí. Cụ thể là, chính quyền và doanh nghiệp tự đề ra mục tiêu giảm thải riêng cho mình và thực hiện cũng như đôn đốc mọi người thực hiện một cách nghiêm túc. Để giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn, chính quyền các thành phố đã yêu cầu thu gom thành nhiều loại phế thải khác nhau và được người dân địa phương đồng tình ủng hộ. Ví dụ, thành phố Yokohama thu gom thành 7 chủng loại thay vì 5 chủng loại như trước đó. Để giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất, các doanh nghiệp đã mạnh dạn nghiên cứu, đầu tư công nghệ hiện đại ít phát thải, tối ưu hóa sử dụng năng lượng, nguyên liệu và vòng đời của sản phẩm.

Gắn kết các ngành sản xuất để tận dụng tối đa nhiên, nguyên vật liệu tái chế. Các ngành, doanh nghiệp đặt mục tiêu cụ thể trong việc giảm phát thải các loại khí gây hiệu ứng nhà kính. Chẳng hạn, ngành sản xuất xi măng ứng dụng công nghệ mới biến bùn công thải thành nguyên liệu thô xi măng, từ đó giảm bớt năng lượng đốt lò chuyên dụng, xỉ, chất thải và đống tro xỉ. Hoặc một số doanh nghiệp ở Tôkyô còn mạnh dạn xây dựng chỉ số tiết kiệm năng lượng cho các sản phẩm của mình.

Để hướng tới một xã hội cacbon thấp, chính quyền khu vực đô thị đẩy mạnh việc xây dựng các thành phố sinh thái, thành phố thông minh như Tôkyô, Kyôto. ở đó, các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu ethanon sinh học được sản xuất từ chất thải rắn sinh hoạt, giấy, sữa đậu nành đang bị phân hủy.

Hằng năm có khoảng 40 - 50 nghìn tấn chất thải như vậy được xử lý thành nguyên liệu. Xe buýt, tàu điện ngầm, xe đạp cùng các phương tiện di chuyển công cộng khác được sử dụng thay thế cho ô tô gia đình. Đương nhiên những mục tiêu và kế hoạch này được người dân thực hiện với tinh thần tự giác và ý thức trách nhiệm cao. Tại Tôkyô, Kyôto người dân sử dụng xe đạp phổ biến cho các cung đường di chuyển ngắn, đặc biệt là cho việc đi chợ, đón trẻ em đi học, máy điều hòa không khí được sử dụng một cách tiết kiệm, chỉ bật khi thực sự cần thiết, V.V..

- Lĩnh vực bảo vệ môi trường nước

Như đã biết, tiêu chuẩn chất lượng môi trường liên quan trực tiếp đến chất lượng nguồn nước. Ở một quốc gia có trình độ phát triển cao như Nhật Bản thì yêu cầu có một môi trường nước đạt tiêu chuẩn luôn là một mục tiêu trọng yếu của chính sách môi trường. Nói đến tiêu chuẩn chất lượng của môi trường nước, người Nhật Bản thường quan tâm đến hai khía cạnh là tiêu chuẩn chất lượng nước phục vụ sức khỏe con người và tiêu chuẩn chất lượng nước bảo vệ môi trường sống nói chung. Nói cách khác, tiêu chuẩn chất lượng nước được quy định cụ thể cho từng đối tượng nước sông, ao, hồ, vịnh, V.V..

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm nước mặt và nước dưới lòng đất, bảo vệ môi trường nước tiêu chuẩn phục vụ cho các mục tiêu dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực đô thị, Chính phủ Nhật Bản đã thực thi nhiều giải pháp chính sách khác nhau trong hơn hai thập kỷ qua.

Từ đầu những năm 1980, khi phát hiện ra một số khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm, Chính phủ Nhật Bản đã cảnh báo và yêu cầu chính quyền địa phương nơi có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm phải kiểm soát được tình trạng ô nhiễm và thực hiện ngay những giải pháp bảo vệ môi trường. Chính phủ cũng dành ra một khoản ngân sách nhất định hằng năm cho công tác chống ô nhiễm nguồn nước dưới đất. Năm 1989, Quốc hội Nhật Bản đã thông qua đạo luật Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Đạo luật cho phép chính quyền Trung ương và chính quyền các địa phương xây dựng các kế hoạch thường niên bảo vệ nguồn nước phù hợp tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng nguồn nước. Ở đô thị Nhật Bản cũng như trên thế giới, nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước bề mặt,

có thể chiếm tới 70%, còn lại 30% là nước dưới lòng đất. Nước bề mặt dễ bị ảnh hưởng từ ô nhiễm môi trường, cho nên, các chính sách kiểm soát ô nhiễm nguồn nước phải mang tính tổng thể và kết hợp với các chính sách kiểm soát ô nhiễm môi trường cụ thể. Để đạt tới mục tiêu kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, chính quyền Trung ương, chính quyền địa phương và doanh nghiệp luôn tính đến những ảnh hưởng từ các chính sách kiểm soát không khí, đất, chất thải rắn và sự tham gia đồng thời của các nhân tố này. Theo đạo luật Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước sửa đổi năm 1994, tỉnh trưởng các tỉnh, thành phố có quyền sử dụng các biện pháp đặc biệt và phù hợp với yêu cầu của khu vực quản lý, nhằm kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Sau đó, MOE cũng đã công bố bản hướng dẫn bảo vệ nguồn nước dưới đất và kiểm soát ô nhiễm. Đây là tài liệu quan trọng mang tính phổ cập để giúp người dân và nhà kinh doanh biết cách khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên vô giá đó.

Ngoài việc thực hiện tốt các đạo luật về xả thải, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, người dân còn chủ động tham gia vào các chương trình giữ gìn vệ sinh chung. Cụ thể là việc sử dụng nhà vệ sinh công cộng, lắp đặt hệ thống xả thải gia đình theo quy định của pháp luật. Các hộ gia đình được đội ngũ kỹ sư có chuyên môn lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và quản lý. Hằng năm hệ thống xử lý này được kiểm tra, bảo trì. Vì thế trong các năm 2009, 2010, 2011 có hơn 90% hộ gia đình có hệ thống nước thải hợp vệ sinh.

Nước thải sau khi đi vào hệ thống thải công cộng sẽ được cơ quan quản lý tiến hành thu gom và xử lý tập trung để tái sử dụng cho các mục đích như chữa cháy, chống hạn, vệ sinh tàu thuyền, phương tiện gia đình, xả nhà vệ sinh, tưới rửa đường, dùng tưới tiêu cho nông nghiệp. Năm 2010, có 250 triệu mét khối nước thải được tái sử dụng, chiếm 2,4% tổng lượng nước thải, riêng Tôkyô có trên 60 triệu mét khối nước thải được tái sử dụng .

- Lĩnh vực quản lý chất thải rắn

Để quản lý chất thải rắn, ở tầm vĩ mô, Chính phủ, chính quyền các đô thị coi đây là nhiệm vụ ưu tiên. Trên cơ sở đó, Nhật Bản chủ động đề xuất 5 nguyên tắc ưu tiên và đưa chúng vào Hiến pháp nhằm xã hội hóa việc xả thải và tái sử dụng trong cộng đồng. Cụ thể là, giảm thiểu lượng chất thải rắn tạo ra, tái sử

dụng một phần hay toàn bộ sản phẩm, tái chế, sử dụng chúng như các nguyên liệu phụ, tận thu nhiệt đối với chất thải rắn chứa nhiệt độ cao, loại bỏ hợp lý các loại chất thải rắn theo đúng quy trình.

Từ 5 nguyên tắc cơ bản trên, Quốc hội Nhật Bản đã thông qua hàng loạt các đạo luật liên quan nhằm quản lý chất thải rắn. Cụ thể là Luật tái chế chất thải rắn xây dựng ban hành năm 2000, Luật quản lý chất thải rắn và vệ sinh công cộng cùng một số quy định về tái chế chất thải rắn được ban hành vào năm 2002, luật về tái chế bao bì và vật chứa, V.V.. Sau hai năm thực hiện, đánh giá, rút kinh nghiệm, năm 2004, Quốc hội Nhật Bản tiến hành sửa đổi và bổ sung một phần quản lý chất thải rắn và vệ sinh công cộng. Mục đích của việc sửa đổi nhằm tăng cường vai trò của Chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề đồ thải bất hợp pháp; xử lý nghiêm minh các trường hợp vận chuyển, mua bán trái phép chất thải rắn nói chung, chất thải rắn nguy hại nói riêng; bổ sung danh mục các loại chất thải rắn được kiểm soát đặc biệt. Sau khi sửa đổi Luật này, Nhật Bản tiến hành thực hiện thí điểm ở một số đô thị và bước đầu thu được những kết quả khả quan. Đến tháng 3-2005, Luật này có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc.

Để kiện toàn bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất thải và vệ sinh công cộng, tăng cường kiểm tra việc thực hiện luật trong các lĩnh vực sản xuất, Nhật Bản tiếp tục sửa đổi, bổ sung đạo luật này vào năm 2010. Như vậy, ở tầm vĩ mô việc điều chỉnh, bổ sung các điều luật là vô cùng cần thiết và kinh nghiệm cho thấy, người Nhật đã khá năng động trong vấn đề này. Các nội dung nảy sinh trong khi thực hiện đều được cụ thể hóa và bổ sung trong các đạo luật chứ không có văn bản dưới luật.

Chính quyền địa phương, doanh nghiệp, người tiêu dùng Nhật Bản nói chung và tại các thành phố, đô thị lớn nói riêng nhận thấy để quản lý chất thải rắn cần chú trọng đến quản lý khối lượng chất thải rắn. Sự phối hợp chặt chẽ của các thành phần này nhằm thực hiện các chính sách và đạo luật về quản lý chất thải rắn đã giúp người Nhật thu được những thành quả đáng học tập. Thực tế cho thấy, sự gia tăng chất thải rắn công nghiệp gắn liền với quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm của các thực thể kinh doanh. Chính sự hợp lý của quá trình tạo ra sản phẩm kể từ khâu chuẩn bị nguyên, nhiên vật liệu, sản xuất sản phẩm, đóng gói, lưu kho và vận chuyển đã góp phần hạn chế phế thải công nghiệp. Hệ

thống kinh doanh Nhật Bản cộng với phương thức quản lý đặc thù mà người Nhật Bản áp dụng đã làm giảm thiểu đáng kể chất thải rắn công nghiệp. Tuy nhiên, sự gia tăng khối lượng chất thải rắn hằng năm vẫn đang gây sức ép lớn cho vấn đề bảo vệ môi trường ở nước này, nhất là khu vực đô thị.

Chính phủ Nhật Bản khuyến khích các thực thể kinh doanh áp dụng các công nghệ tiên tiến và gia tăng tái sử dụng các sản phẩm tái chế, nhất là đối với các loại bao bì sản phẩm, ở góc độ doanh nghiệp, người ta cũng chú ý nhiều hơn đến các sáng kiến tiết kiệm nguyên liệu, bao bì sản phẩm, kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm. Để giảm thiểu những phế thải cứng như các sản phẩm điện tử, ô tô, xe máy hết hạn sử dụng người ta khuyến khích các nhà sản xuất phải quan tâm từ khi thiết kế sản phẩm mang tính tiết kiệm và khi hết hạn sử dụng có thể xử lý dễ dàng và ít làm phương hại đến môi trường. Bên cạnh các giải pháp kiểm chế chất thải rắn ngay từ khâu sản xuất sản phẩm, chính phủ Nhật Bản còn khuyến khích các hoạt động tái sử dụng các phế thải, sử dụng các nguyên liệu và sản phẩm tái chế từ phế thải. Tháng 10-1991, Quốc hội Nhật Bản đã ban hành đạo luật khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái chế. Đạo luật này yêu cầu các thực thể kinh doanh phải đẩy mạnh tái chế các loại phế thải một cách có kế hoạch để giảm thiểu sức ép của phế thải đối với môi trường sống của con người. Đạo luật cũng yêu cầu các cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương, đô thị và các thực thể kinh doanh liên kết, hợp tác trong vấn đề tái chế và sử dụng phế thải.

Sau khi luật về tái chế bao bì và vật chứa có hiệu lực cho tới năm 2007, hơn 90% thành phố đã thực hiện thu gom phân loại chất thải rắn phục vụ cho công tác tái chế. Việc thu gom, phân loại chủ yếu do người dân và các công ty tiến hành trước khi vận chuyển đến khu vực xử lý. Chẳng hạn, chai thủy tinh đã qua sử dụng được thu gom năm 2007 là 1.433 triệu tấn, giảm xuống so với các năm trước. Đây là xu hướng phù hợp với người tiêu dùng thường xuyên sử dụng các chai nhựa PET không dễ vỡ, nhẹ, dễ mang theo. Chai thủy tinh sau khi thu gom được phân thành hai loại, loại chỉ dùng một lần được rửa sạch và tái chế sử dụng. Năm 1997, tỷ lệ thu gom chai nhựa PET chỉ đạt 9,8% ở khu vực đô thị nhưng năm 2007 tỷ lệ này đã đạt 49,4% Như vậy, trong năm 2007, tỷ lệ tái chế

và tái sử dụng giấy là khá cao, tương ứng là 74,5% và 61,5%. Tỷ lệ này tăng tương ứng từ những năm 1990 trở lại đây.

Đối với đồ điện gia dụng, sau khi *Luật tái chế đồ điện gia dụng* được ban hành đã buộc các nhà sản xuất phải tiến hành tái chế. Đối với các mặt hàng gia dụng gồm máy điều hòa, tivi màn hình chất thải rắn, tủ lạnh, máy ướp lạnh, máy giặt cũng được người dân và nhà sản xuất ủng hộ. Tỷ lệ tái chế các sản phẩm này đã tăng lên hằng năm. Năm 2004, tỷ lệ này là 60% đối với máy điều hòa, 55% tivi màn hình chất thải rắn, 50% tủ lạnh/máy ướp lạnh, 50% máy giặt. Năm 2008, tỷ lệ tái chế lần lượt là 87%, 86%, 73%, 82%. Từ năm 2009, tivi tinh thể lỏng, máy sấy quần áo cũng được bổ sung vào danh mục mặt hàng buộc phải tái chế.

Chất thải rắn xây dựng chiếm khoảng 20% chất thải rắn công nghiệp và hầu hết được đổ thải bất hợp pháp trước những năm 2000. Đứng trước tình hình đó Nhật Bản ban hành Luật tái chế chất thải rắn dựng vào năm 2000. Theo Luật này, ba hạng mục được ưu tiên tái chế đầu tiên gồm tảng bê tông, nhựa đường và gỗ công trường. Theo thống kê năm 2005, lượng phát sinh chất thải rắn trong các công trình xây dựng là 195 triệu mét khối, trong đó 50 triệu mét khối được tái sử dụng cho việc xây dựng các công trình khác, chiếm 26%. Tỷ lệ này cũng tăng dần hằng năm song chưa vượt được ngưỡng 50%². Để thúc đẩy hơn nữa Luật tái chế chất thải rắn xây dựng, năm 2008, Chính phủ Nhật Bản đưa ra kế hoạch thúc đẩy tái chế xây dựng cùng hàng loạt những giải pháp nhằm thực hiện chúng. Để hiệu được thực tế của phụ phẩm xây dựng, người ta tiến hành nghiên cứu điều tra về tình hình này trên khắp Nhật Bản, nhất là ở các khu vực đô thị.

Đối với ô tô đã qua sử dụng hay hư hỏng, được các công ty thu gom và đập vụn thành các loại vật liệu tái chế. Theo ước tính có khoảng 50 - 55% các bộ phận của ô tô được tái chế. Sở dĩ có được điều này là do luật tái chế ô tô của Nhật Bản được doanh nghiệp và người dân thực thi một cách có hiệu quả từ năm 2005. Đối với các ô tô mới mua, người ta sẽ phải đặt cọc một khoản tiền nhất định cho các công ty tái chế để đảm bảo sau này ô tô hỏng sẽ được tái chế. Luật về tái chế phương tiện giao thông vận tải tạo cơ hội cho việc ra đời 79.000 công ty thu gom xe cộ, 18.000 công ty thu gom Fluruacácbon, 6.600 công ty tháo dỡ

xe, 1.300 công ty nghiên hiện đang hoạt động. Những công ty này nhận được sự “hậu thuẫn” rất đặc biệt từ phía chính quyền.

Luật tái chế thực phẩm ra đời cũng đóng góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, hạn chế xả thải, tiết kiệm tài nguyên. Năm 2007, tỷ lệ tái chế toàn ngành thực phẩm là 54%, trong đó sản xuất thực phẩm là 81%, bán sỉ thực phẩm là 62%, bán lẻ là 35%, dịch vụ thực phẩm là 22%. Đây là những con số rất ngoạn mục và cũng là một trong những điển hình để nước khác phải học tập trong đó có Việt Nam.

Đối với máy tính cá nhân và các thiết bị công nghệ khác, theo luật thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên có hiệu lực từ tháng 4-2001, tái chế hơn 50% đối với máy tính để bàn, hơn 20% với máy tính xách tay, 55% màn hình chất thải rắn và hơn 55% cho màn hình tinh thể lỏng hàng năm là mục tiêu Nhật Bản cần đạt tới. Tuy nhiên, tất cả các chỉ tiêu này đều đạt được ngoài mong đợi. Máy tính cá nhân ngoài cách thu gom như các loại rác trên, nó còn được tập hợp trực tiếp từ người dùng qua các cửa hàng thu gom hoặc các công ty chuyên kinh doanh các loại đồ cũ đã hỏng này.

Và để giảm bớt lượng chất thải rắn phát sinh từ hộ gia đình, tạo thuận lợi cho quá trình tái chế phế thải, các tổ chức môi trường Nhật Bản đã hướng dẫn và cung cấp phương tiện cho người dân để họ phân loại chất thải rắn ngay tại nhà trước khi đưa đến điểm tập kết. Mặc dù phần lớn người tiêu dùng Nhật Bản rất có ý thức trong việc thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường, song ở nhiều thành phố lớn người ta vẫn thấy có những ô tô hỏng, xe đạp hỏng vô chủ “bị bỏ quên” ngay trên đường phố và sau đó công ty môi trường đô thị phải cho phương tiện đến thu gom. Mặc dù Nhật Bản đã áp dụng các hình phạt (phạt tiền là chính) đối với hành vi cố ý “bỏ quên” song việc tìm được chủ nhân của chiếc ô tô hỏng đã bị tẩy xóa số đăng ký quả là khó khăn.

Để giải quyết nạn đổ thải bất hợp pháp, Chính phủ đã đề ra hẳn một chiến dịch xóa bỏ đổ thải bất hợp pháp dựa trên việc quy định chặt chẽ hơn trong các luật về đổ thải và vệ sinh công cộng. Từ ngày 30-5 đến 5-6 hàng năm, chính quyền từ Trung ương đến địa phương sẽ tiến hành kiểm tra các khu vực, đồng thời có các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân.

Mặc dù đã có các đạo luật về tái chế, quản lý chất thải rắn song tại các khu vực đô thị, việc xây dựng cơ sở chế biến hoặc khu đổ thải là vô cùng khó khăn, dễ làm nảy sinh các vấn đề liên quan đến sử dụng đất và môi trường. Do đó chất thải rắn đô thị thường được vận chuyển đến các khu vực xa trung tâm để đổ thải. Năm 2010, có 1,34 triệu tấn rác cần đổ thải của Tôkyô được vận chuyển đến các bãi chôn lấp, trong đó 90% lượng này được chôn lấp tại các khu vực ngoài Tôkyô. Chính điều này tạo ra sự quan ngại nhất định cho các nhà lãnh đạo bởi có thể nảy sinh mâu thuẫn vùng, nhất là khi các vùng lại có quy định riêng về việc chấp nhận đổ thải. Nếu chính quyền ở đó gây khó khăn thì rõ ràng việc đổ thải từ các khu đô thị sẽ là một bài toán khó tìm lời giải. Trong số 1.728 đô thị lớn, nhỏ (năm 2010), có 352 đô thị cần đổ thải nhưng lại không có khu đổ tập trung, vì vậy việc đổ thải được giao phó cho các công ty tư nhân, họ phải mang rác đến một nơi khác xa xôi hơn để đổ và đương nhiên chi phí phát sinh rất lớn¹. Do vậy, trong tương lai cần có các biện pháp hợp lý để giảm tối thiểu lượng chất thải rắn cuối cùng, tái sử dụng nhiều hơn lượng rác thải đồng thời xây dựng được các khu xử lý công nghệ cao để không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Lĩnh vực quản lý thảm họa, sự cố môi trường

Ở Nhật Bản, hệ thống quản lý thảm họa, sự cố môi trường được xây dựng từ những năm 1940 và được củng cố, hoàn thiện dần từ đó đến nay. Hàng loạt các kế hoạch hành động, đạo luật được Quốc hội và Chính phủ Nhật Bản ban hành theo từng nhóm. Nhóm Kế hoạch hành động cơ bản, bao gồm 7 kế hoạch hành động cơ bản. Nhóm Kế hoạch chuẩn bị và ngăn chặn sự cố, thảm họa bao gồm 17 kế hoạch. Nhóm Cứu trợ thảm họa bao gồm 7 kế hoạch. Nhóm Phục hồi tái thiết bao gồm 23 kế hoạch. Trong đó đáng lưu ý là *Luật tiêu chuẩn xây dựng* được ban hành năm 1950 và sửa đổi năm 1981 quy định chặt chẽ về các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng thống nhất trên toàn quốc gia nhằm ngăn ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thảm họa và sự cố môi trường gây ra. Trên cơ sở luật chung này các đô thị có thể đưa ra các hướng dẫn phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội ở khu vực đó .

Để quản lý và thực hiện các kế hoạch hành động một cách có hiệu quả, ở cấp độ quốc gia, Nhật Bản thành lập Hội đồng Trung ương về quản lý thảm họa

năm 1962, Văn phòng Nội các Chính phủ năm 2001. ở cấp độ bộ, ngành, địa phương đều có bộ phận chuyên trách về quản lý thảm họa, sự cố và trách nhiệm được gắn trực tiếp cho người đứng đầu các cơ quan này.

Trên cơ sở luật và các kế hoạch được ban hành, người dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương đã thực hiện chúng một cách nghiêm túc, bài bản, có trách nhiệm. Chẳng hạn, nhà cửa ở Nhật Bản nói chung và tại các đô thị nói riêng được thiết kế, xây dựng để có thể chịu được những trận động đất xảy ra thường xuyên hoặc những nguy cơ sự cố môi trường khác như gió, bão, lở tuyết, V.V..

- Lĩnh vực quản lý năng lượng

Đề đối phó với tình trạng biến đổi khí hậu, Chính phủ và Quốc hội Nhật Bản đã xây dựng và ban hành hàng loạt các chính sách và đạo luật liên quan. Năm 2011, Quốc hội Nhật Bản ban hành luật thuế năng lượng, trong đó quy định rõ tất cả các nguồn năng lượng có khả năng tái tạo đều được mua với các mức giá khác nhau như bảng 12 dưới đây:

Bảng : Mức giá điện từ các nguồn năng lượng khác nhau ở Nhật Bản

| Nguồn | Mức sản xuất | Mức giá (yên) | Thời gian áp dụng (năm) |
|--------------------------------|---------------------|----------------------|--------------------------------|
| Tấm pin năng lượng (PV) | >10kw | 42,00 | 20 |
| | < 10kw | 42,00 | 10 |
| Gió | >20kw | 23,10 | 20 |
| | < 20kw | 57,75 | |
| Địa nhiệt | > 1.500kw | 27,30 | 15 |
| | < 1.500kw | 42,00 | |
| Thủy điện | 1.000-3.000kw | 25,20 | 20 |
| | 200-1.000kw | 30,45 | |
| | <200kw | 35,70 | |
| Năng lượng sinh | Khí sinh học | 40,95 | 20 |

| | | | |
|------|--------------------------------|-------|--|
| khối | Gỗ, không sử dụng thường xuyên | 33,60 | |
| | Gỗ, sử dụng thường xuyên | 25,20 | |
| | Khí sinh học từ chất thải | 17,85 | |
| | Gỗ, được tái chế | 13,65 | |
| | | | |

Nguồn: Ministry of the Environment, Recent Development of Environmental Policies in Japan, Japan, 2014, p.23.

Như vậy, Chính phủ Nhật Bản dành nhiều ưu tiên cho giá năng lượng từ các nguồn có khả năng tái tạo, mức ưu tiên cao nhất dành cho năng lượng pin mặt trời, năng lượng sinh khối, thủy điện, năng lượng gió, sau đó mới tới địa nhiệt.

2. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng môi trường

Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng môi trường của Nhật Bản công bố trong Luật môi trường cơ bản được Quốc hội nước này ban hành vào năm 1993 và chia thành bốn nhóm chính bao gồm: Tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước, tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí, tiêu chuẩn chất lượng môi trường đất, tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với tiếng ồn, độ rung. Trong đó, tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước mặt được chia thành hai nhóm gồm nhóm tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước bảo vệ sức khỏe (quy định đối với 53 loại chất, hợp chất) và nhóm tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước bảo vệ môi trường sống (quy định riêng với nước sông, hồ, biển). Với nước ngầm, tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước ngầm được quy định đối với 28 loại chất và hợp chất. Tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí được quy định đối với 11 loại chất, hợp chất, trong đó đáng lưu ý là Nhật Bản dùng chỉ tiêu đánh giá PM2.5 để đánh giá nồng độ các hạt lơ lửng trong không khí cùng với các hợp chất benzen hoặc các dẫn xuất của etylen, metan để đánh giá chất lượng môi trường không khí. Tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với tiếng ồn được quy định thành ba nhóm gồm: tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với tiếng ồn

xung quanh, tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với tiếng ồn do hoạt động máy bay, tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với các phương tiện vận tải nhanh.

3. Hệ thống cơ quan quản lý môi trường

Hệ thống cơ quan quản lý môi trường ở Nhật Bản được tổ chức gọn nhẹ, chặt chẽ và vận hành một cách hợp lý. Cơ quan quản lý môi trường cấp Trung ương là MOE được tổ chức thành các cục trực thuộc, ban thư ký, văn phòng Bộ cùng các phòng chức năng với xấp xỉ 1.400 nhân viên, ở cấp tỉnh, đô thị được tổ chức thành sở Môi trường. Các tổng công ty, tập đoàn sản xuất và kinh doanh thành lập Phòng môi trường, thậm chí một số tổng công ty xây dựng cả Phòng kiểm toán môi trường, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, V.V.. Đội ngũ nhân lực phục vụ công tác quản lý môi trường được học tập, đào tạo bài bản. Họ sở hữu hệ thống kiến thức tốt cũng như được trang bị, rèn luyện những kỹ năng thực tế trong quá trình học tập tại các trường. Các cơ quan được phân cấp với nhiệm vụ và chức năng rõ ràng tạo thành một hệ thống phối hợp nhịp nhàng kể từ sau khi cơ quan quản lý môi trường được thành lập năm 1972.

Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý phạm

Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, có hiệu quả nhờ có sự trợ giúp của hệ thống giám sát, báo cáo thông tin chất lượng cao, chẳng hạn hệ thống theo dõi giám sát hoạt động công cộng. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp, cơ quan ở Nhật Bản tuân thủ nghiêm túc chế độ kiểm tra, giám sát hằng tháng, hằng năm cũng như nộp báo cáo một cách đầy đủ, kịp thời.

Các vụ việc vi phạm về bảo vệ môi trường được người dân và cơ quan quản lý địa phương phát hiện kịp thời sẽ bị xử lý nghiêm theo luật. Chẳng hạn, việc đổ rác thải sinh hoạt không đúng thời gian quy định của một gia đình ở Kyôto, sau khi bị phát hiện, gia đình này đã phải nộp một khoản phạt cho cơ quan quản lý thông qua tài khoản cá nhân.

Như vậy, việc sử dụng giải pháp luật pháp, chính sách ở Nhật Bản trong bảo vệ môi trường rất thành công do quốc gia này có hệ thống luật pháp hoàn thiện, đồng bộ, có tính khả thi; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan và đội ngũ

nguồn nhân lực chất lượng tốt, có trách nhiệm; nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân và doanh nghiệp cao, v.v..

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Để thực hiện thành công giải pháp luật pháp, chính sách trong bảo vệ môi trường, việc chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ quan thực thi giữa chính quyền Trung ương, địa phương và đối tượng phải quản lý, phải thực thi trong đó có doanh nghiệp là vô cùng cần thiết. Tương ứng với các điều kiện địa lý - môi trường, đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của các quốc gia, người ta sẽ có cách tổ chức cơ quan quản lý môi trường, cơ quan quản lý nhà nước, thực thi luật pháp khác nhau. Tuy nhiên, cách mà các quốc gia phát triển như Nhật Bản tổ chức, phối hợp nhiều cơ quan để quản lý môi trường từ Trung ương tới địa phương, doanh nghiệp là gợi ý không thể thiếu đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Sự quản lý chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời, ứng phó nhanh chóng, có hiệu quả giữa chính quyền Trung ương, địa phương và doanh nghiệp tạo nên sức mạnh tổng thể giúp người Nhật Bản thực hiện thành công công tác quản lý môi trường đô thị. Đây là kinh nghiệm thực sự quý báu cho Việt Nam chúng ta.

GS. TS. Sunyoon Hyun, Viện Nghiên cứu châu Á, Đại học Kinh tế và Luật Ôsaka trong buổi phỏng vấn với tác giả nhân dịp ông tham gia hội thảo quốc tế “Hướng tới cộng đồng Đông Á - Thách thức và triển vọng” tại Hà Nội đã nhận xét rằng: “Người Nhật Bản quan niệm quản lý và bảo vệ môi trường là nền tảng tạo ra sự phát triển bền vững, ở đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền Trung ương với chính quyền địa phương”. Trên cơ sở đó, chính quyền các địa phương ở nước này đã có rất nhiều nỗ lực trong công tác quản lý môi trường. Sự nỗ lực đó được thể hiện trên các phương diện chủ yếu, trước hết là thực hiện nghiêm túc các chính sách và luật pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, nhất là các chương trình mà Chính phủ đưa ra. Tiếp đến là phối hợp chặt chẽ với chính quyền Trung ương nhằm thực thi có hiệu quả các biện pháp quản lý môi trường và thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề môi trường cụ thể của từng địa phương. Và sau đó là tích cực và chủ động trong công tác bảo vệ môi trường ở địa phương, đặc biệt là các hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng, huy động vốn, thúc đẩy các hoạt động bảo vệ môi trường ở các khu đô thị và doanh nghiệp

trong phạm vi quản lý hành chính địa phương dựa trên các đặc điểm riêng biệt của địa phương mình.

Cách đây khoảng một thập niên, với sự hỗ trợ của chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương, một số khu vực ở Nhật Bản đã xúc tiến “Kế hoạch quản lý môi trường khu vực nhằm ngăn ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường tự nhiên”. Kế hoạch này được sự hỗ trợ kỹ thuật từ MOE và sự đóng góp tài chính của nhân dân và doanh nghiệp từ các địa phương, tạo thành phong trào rộng lớn trên phạm vi toàn quốc. Nhờ đó, môi trường ở các đô thị lớn và một số địa phương ở Nhật Bản đã được cải thiện **nhieu**. Phong trào này cho đến nay vẫn được duy trì.

Ngoài ra, chính quyền Trung ương còn khuyến khích và hỗ trợ các địa phương tham gia hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề môi trường ngay tại địa phương mình. Chẳng hạn, hỗ trợ tài chính đối tác chương trình phát triển nguồn nhân lực quốc tế về môi trường nhằm đào tạo những người làm công tác quản lý môi trường ở các đô thị Nhật Bản hoặc hỗ trợ tài chính đối tác cho chương trình phát triển kết cấu hạ tầng địa phương nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các nước đang phát triển, v.v...

Chính phủ Nhật Bản cũng đã xúc tiến chương trình khảo sát “vai trò quản lý môi trường của chính quyền các địa phương với tư cách là nhà doanh nghiệp và người tiêu dùng”. Mục đích của cuộc khảo sát này là nhằm xây dựng dữ liệu cơ bản để phục vụ cho các kế hoạch quản lý môi trường đô thị trong tương lai ở các địa phương này.

Bên cạnh đó, quan hệ giữa chính quyền Trung ương và chính quyền các địa phương còn được củng cố và tăng cường thông qua các chương trình trao đổi thông tin định kỳ về môi trường giữa Bộ trưởng Bộ Môi trường với những người đứng đầu ngành môi trường của các địa phương tạo thành một mạng thông tin khép kín về môi trường giữa những người có trách nhiệm trong quản lý môi trường ở nước này. Đồng thời, chính quyền Trung ương ủng hộ những sáng kiến độc lập về bảo vệ môi trường ở các địa phương dựa trên những đạo luật về môi trường được Quốc hội ban hành trước đó. Bằng những sáng kiến độc lập này, trong hơn một thập kỷ qua đã có tới hàng chục quỹ hỗ trợ, bảo vệ và phát triển

môi trường được thành lập ở khắp các đô thị lớn ở Nhật Bản. Nguồn tài chính từ các quỹ này được sử dụng để sản xuất các chương trình hỗ trợ giáo dục môi trường cho học sinh như: băng video, tài liệu đọc thêm, hỗ trợ các hoạt động tình nguyện, cung cấp chuyên gia tư vấn môi trường cho các nhóm dân cư sống ở các khu đô thị lớn v.v.. Các dự án hỗ trợ, kết nối bảo vệ môi trường ở thành phố Tôkyô, Ôsaka, Kôbe, v.v. đều được tài trợ bởi các quỹ này.

Đối với các doanh nghiệp, Chính phủ, chính quyền địa phương phối hợp với MOE thường xuyên gửi các khuyến cáo nhắc nhở doanh nghiệp chấp hành tốt luật, các chính sách bảo vệ môi trường hằng quý. Các doanh nghiệp cũng có trách nhiệm gửi phản hồi tới cơ quan quản lý và đương nhiên những phản hồi đó sẽ được Chính phủ xem xét để có các điều chỉnh phù hợp.

Ở Việt Nam, chúng ta phải ghi nhận rằng Chính phủ và chính quyền địa phương, doanh nghiệp có sự phối hợp nhất định trong việc quản lý hành chính nói chung và quản lý môi trường nói riêng. Sau khi các luật, chính sách về bảo vệ môi trường ra đời, Chính phủ, chính quyền địa phương đều tổ chức thực hiện trong phạm vi quyền hạn của mình. Chẳng hạn, việc tuyên truyền cho người dân và doanh nghiệp đóng trên địa bàn quản lý hiểu được luật, chính sách về môi trường và yêu cầu các đối tượng này thực hiện. Thông qua các chương trình lớn như chương trình nước sạch quốc gia, chương trình môi trường quốc gia v.v.. Chính phủ có nhiều hỗ trợ cho chính quyền địa phương trong việc thực hiện luật và các chính sách môi trường. Tuy nhiên, sự kết nối giữa các thành phần này còn chưa thực sự chặt chẽ. Chính quyền địa phương nhiều khi bị động, thiếu thông tin trong khi tham gia vào các chương trình dự án về môi trường, nhất là bị động trong kinh phí. Thậm chí hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh gần đây mới có quỹ dành cho việc thực hiện các chính sách môi trường. Doanh nghiệp được phổ biến về các quy định, chính sách không kịp thời và khi có ý kiến phản hồi được cơ quan tiếp nhận, xem xét chậm trễ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cố ý lách luật, không thực hiện, hoặc thực hiện qua loa các chính sách bảo vệ môi trường.

Thực tế cho thấy, người Nhật Bản rất thành công trong sự phối hợp của Chính phủ, chính quyền các địa phương, doanh nghiệp ở Nhật Bản trong hoạt động quản lý môi trường. Và đây cũng là bài học kinh nghiệm bổ ích mà Việt

Nam có thể vận dụng. Phải chăng chính quyền các địa phương, đặc biệt là tại các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, doanh nghiệp ở Việt Nam cần chủ động hơn nữa trong công tác này. Vấn đề là ở tầm vĩ mô, Chính phủ phải có những quyết sách phù hợp để cho địa phương chủ động hơn, tích cực hơn, sáng tạo hơn trong lĩnh vực quản lý môi trường.

Không có lý do gì mà chúng ta không xây dựng một chương trình mạng thông tin môi trường giữa Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường với những người đứng đầu về công tác này ở các địa phương như Nhật Bản. Một mạng lưới thông tin môi trường “1+63” (Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và 63 vị giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh) và tổ chức sinh hoạt theo kiểu “giao ban môi trường” định kỳ hàng tháng nếu được thiết lập sẽ giúp nâng cao năng lực quản lý môi trường ở nước ta lên tầm cao hơn cho các kế hoạch quản lý môi trường trong tương lai ở các địa phương.



TTBD ĐBDC